

Số: /TTr-UBND

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh
về Kế hoạch tài chính 05 năm 2026 - 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4289/STC-QLNS ngày 21/11/2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 26/11/2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030, như sau:

I. Dự báo những yếu tố tác động đến Kế hoạch tài chính 05 năm

Tình hình chính trị của đất nước tiếp tục ổn định, kinh tế đất nước ngày càng phát triển ổn định, bền vững; công tác cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi được Trung ương, địa phương lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao.

Tình hình thế giới và trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen. Không gian phát triển được mở rộng, tạo thuận lợi để phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về liên kết phát triển kinh tế rừng, biển, đảo, cửa khẩu.

Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến triển khai dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất từ 6,5 triệu tấn lên 7,6 triệu tấn/năm hoàn thành trong cuối năm 2029. Ngoài ra, trong giai đoạn này dự kiến Quốc hội sẽ thông qua một số Luật thuế mới sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt,... theo Chương trình cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030 sẽ tác động tăng thu NSNN, đặc biệt là mức thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng bia, rượu dự kiến tăng mạnh so với hiện nay.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tỉnh Quảng Ngãi cũng gặp những khó khăn nhất định như: Qua theo dõi thu các năm gần đây trên địa bàn tỉnh phát sinh nguồn thu mới không đáng kể, một số nguồn thu có tăng trưởng nhưng không lớn; cơ cấu, tỷ trọng nguồn thu trên địa bàn phần lớn là phụ thuộc vào số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất (chiếm trên 30% thu nội địa), giá dầu thô thế

giới lại biến động khó lường. Ngoài ra, tỉnh Quảng Ngãi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường;... là yếu tố chủ yếu, tiềm ẩn tác động trực tiếp đến phát triển chung của tỉnh trong thời gian đến.

II. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của địa phương

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm những chỉ tiêu sau:

1. Phần đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.
2. Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.
3. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.
4. Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.
5. Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.
6. Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.
7. Vốn đầu tư trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.
8. Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.
9. Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
10. Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.
11. Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.
12. Đến năm 2030, phần đầu cơ bản không còn hộ nghèo.
13. Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.
14. Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.
15. Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.
16. Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

III. Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030

1. Mục tiêu tổng quát:

- Phân bổ các nguồn lực tài chính của Nhà nước cho mục tiêu phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh một cách khoa học, công khai, minh bạch.

- Phần đầu thu ngân sách nhà nước hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%; quản lý chi ngân sách tiết kiệm, chặt chẽ, hiệu quả.

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công đảm bảo an toàn, bền vững, hiệu quả góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; siết chặt kỷ luật, kỷ cương về tài chính-ngân sách; tăng cường cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể, chủ yếu:

a) Về thu ngân sách nhà nước

Giai đoạn 2026-2030, tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh dự kiến thu 192.336 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025; trong đó:

- Thu nội địa dự kiến thu 132.242 tỷ đồng, chiếm 68,8% tổng thu NSNN, tăng 17,4% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

- + Thu từ NMLD Dung Quất dự kiến thu 44.979 tỷ đồng, chiếm 34% thu nội địa, bằng 79,4% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025;

- + Thu tiền sử dụng đất dự kiến thu 15.500 tỷ đồng, chiếm 11,7% thu nội địa, tăng 150,2% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025;

- + Thu xổ số kiến thiết dự kiến thu 1.468 tỷ đồng, chiếm 1,1% thu nội địa, tăng 28,2% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025;

- + Các khoản thu còn lại dự kiến thu 70.295 tỷ đồng, chiếm 53,2% thu nội địa, tăng 44,5% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025.

Nếu không tính thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thì thu nội địa tăng bình quân 8,6%/năm.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu dự kiến đạt 59.835 tỷ đồng, chiếm 31,1% tổng thu NSNN, tăng 8,6% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025; tăng thu hàng năm khoảng 5%.

- Vay của ngân sách địa phương: dự kiến giai đoạn 2026-2030, địa phương sẽ triển khai 03 dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; với tổng kế hoạch vay lại của Chính phủ để thực hiện các dự án là 259 tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng thu NSNN.

Tổng nguồn thu ngân sách địa phương (bao gồm thu được hưởng theo phân cấp, Trung ương bổ sung cân đối) giai đoạn 2026 - 2030 là 218.507 tỷ đồng; trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 124.644 tỷ đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 91.817 tỷ đồng.

b) Về chi ngân sách địa phương

Dự kiến chi ngân sách địa phương (NSDP) giai đoạn 2026-2030 là 218.507 tỷ đồng; trong đó:

b1) Chi cân đối ngân sách địa phương dự kiến 147.716 tỷ đồng; trong đó:

- Chi đầu tư phát triển dự kiến chi 33.945 tỷ đồng, chiếm 23% tổng chi cân đối NSDP. Trong đó: chi đầu tư XDCB tập trung 18.417 tỷ đồng (*bao gồm chi trả nợ gốc các khoản do chính quyền địa phương vay là 124 tỷ đồng*), chiếm 54,3% chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 13.175 tỷ đồng, chiếm 38,8% chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.468 tỷ đồng, chiếm 4,3% chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn bồi chi 259 tỷ đồng, chiếm 0,8% chi đầu tư phát triển; chi đầu tư phát triển khác (ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định) 625 tỷ đồng, chiếm 1,8% chi đầu tư phát triển.

- Chi thường xuyên dự kiến chi 107.071 tỷ đồng, chiếm 72,5% tổng chi cân đối NSDP. Trong đó: chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 46.214 tỷ đồng, chiếm 43,2% chi thường xuyên; chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 1.226 tỷ đồng, chiếm 1,15% chi thường xuyên.

- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay 82 tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 10,7 tỷ đồng, chiếm 0,01% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi dự phòng ngân sách 2.954 tỷ đồng, bằng 2% chi cân đối ngân sách địa phương.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 3.650 tỷ đồng, chiếm 2,5% tổng chi cân đối NSDP.

Dự toán chi cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 là 147.716 tỷ đồng, đã bao gồm kinh phí Trung ương bổ sung cân đối để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của địa phương là 20.859 tỷ đồng.

b2) Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu dự kiến giai đoạn 2026-2030 là 70.791 tỷ đồng. Trong đó:

- Các chương trình mục tiêu quốc gia: 32.249 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án: 27.871 tỷ đồng
- Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: 10.670 tỷ đồng.

IV. Giải pháp thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm

1. Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các mô hình kinh tế mới.

2. Bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, tạo động lực thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhanh, bền vững. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, công nghệ, thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp linh hoạt, năng động.

3. Tích cực rà soát, đề xuất cơ chế, biện pháp để đẩy mạnh khai thác tốt nguồn thu trên địa bàn, đặc biệt là nguồn thu từ tài nguyên đất đai, khai thác khoáng sản, mở rộng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiềm năng thủy điện, các lợi thế về du lịch sinh thái Măng Đen, du lịch biển đảo Lý Sơn, giao thương hàng hóa qua cửa khẩu Quốc tế Bờ Y...; thực hiện tốt các chính sách kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tạo nguồn thu và giải quyết lao động, việc làm. Tổ chức thực hiện tốt cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, logistic, dịch vụ công. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật thuế, hạn chế nợ đọng tiền thuế.

4. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính thuế; ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử; thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu Trung ương giao.

5. Trên cơ sở khả năng nguồn lực ngân sách địa phương, cơ cấu, sắp xếp lại nhiệm vụ chi cho phù hợp, ưu tiên những nhiệm vụ cấp thiết, mang tính đột phá. Dành nguồn lực ngân sách để hỗ trợ đầu tư phát triển các sản phẩm, ngành nghề mũi nhọn, bền vững của tỉnh; phát triển vùng khó khăn, vùng kinh tế động lực, trọng điểm; các đề án, chính sách, kế hoạch phải đảm bảo cân đối chắc chắn nguồn ngân sách trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành. Điều hành chi ngân sách theo tiến độ thực hiện nguồn thu, chủ động cắt giảm, giãn tiến độ khi thu không đạt dự toán. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện các dịch vụ công (*y tế, giáo dục, thể dục thể thao...*); tập trung nguồn lực để đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Tập trung triển khai tốt các chính sách trợ giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số, cho người nghèo, diện chính sách.

6. Nâng cao hiệu quả đầu tư công. Rà soát danh mục các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn vay nợ công, kiên quyết cắt giảm các chương trình, dự án không đảm bảo hiệu quả, chưa thực sự cần thiết. Kiểm soát chặt chẽ việc phân bổ và quản lý sử dụng vốn, hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước. Công khai, minh bạch; kiểm soát chặt chẽ sử dụng nguồn lực tài chính công. Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm.

7. Giảm bội chi ngân sách, hạn chế tạm ứng ngân sách và chi chuyển nguồn

ngân sách sang năm sau.

8. Rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực tài chính địa phương cho phù hợp với tình hình thực tiễn, phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, công dân nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo

9. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước trong xây dựng cơ chế, chính sách và thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng NSNN; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác quản lý ngân sách nhà nước.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thuế tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục Hải quan khu vực XII;
- Thống kê tỉnh Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Cổng TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTHVTT530.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm